

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 08/2018, NGÀY THI 17/6/2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-TTCNTT-TT ngày 19 tháng 6 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông)*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
1	cb18k8_001	Phạm Thị Vân	Anh	12/11/1990	Quảng Trị	7,5	9,0	Đạt	684280
2	cb18k8_002	Nguyễn Lê Quốc	Bảo	03/04/1995	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684281
3	cb18k8_003	Nguyễn Thị Bích	Đào	29/11/1991	Quảng Bình	9,6	8,5	Đạt	684282
4	cb18k8_004	Nguyễn Văn	Đình	10/10/1966	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684283
5	cb18k8_005	Phạm Văn	Định	29/04/1972	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	684284
6	cb18k8_006	Cao Minh	Đức	05/02/1991	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	684285
7	cb18k8_007	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	29/04/1986	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684286
8	cb18k8_008	Nguyễn Văn	Giải	30/08/1971	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	684287
9	cb18k8_009	Võ Thị Thu	Giang	21/09/1981	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684288
10	cb18k8_010	Nguyễn Thị Lệ	Hà	29/10/1976	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	684289
11	cb18k8_011	Phạm Thị Ngọc	Hà	29/01/1991	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	684290
12	cb18k8_013	Trương Thị Minh	Hiền	20/11/1970	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	684291
13	cb18k8_014	Hoàng Phương	Hòa	28/11/1991	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	684292
14	cb18k8_015	Cao Thị Thu	Hương	29/12/1974	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684293
15	cb18k8_016	Nguyễn Thị Thanh	Hương	25/12/1972	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684294
16	cb18k8_017	Trần Thị Bích	Hường	13/05/1979	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	684295
17	cb18k8_019	Cao Thị Mỹ	Linh	27/10/1995	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	684296
18	cb18k8_020	Phạm Đàm	Linh	20/04/1974	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	684297
19	cb18k8_021	Hoàng Vĩnh	Lợi	20/01/1974	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	684298
20	cb18k8_022	Nguyễn Thị Mỹ	Lương	30/05/1985	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684299
21	cb18k8_023	Võ Thị Thanh	Lương	08/08/1983	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	684300

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
22	cb18k8_024	Đoàn Thị Kim	Na	11/11/1979	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	684301
23	cb18k8_025	Phạm Thanh	Nam	20/09/1978	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	684302
24	cb18k8_026	Phan	Nam	10/05/1980	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	684303
25	cb18k8_027	Đặng Thị Phương	Nga	01/01/1988	Thừa Thiên Huế	8,8	8,5	Đạt	684304
26	cb18k8_028	Nguyễn Thị Hương	Nga	04/04/1975	Hà Nội	8,3	9,5	Đạt	684305
27	cb18k8_029	Phan Thị	Nhung	13/06/1978	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	684306
28	cb18k8_030	Lê Thị Minh	Phúc	30/07/1984	Vĩnh Phúc	8,8	9,0	Đạt	684307
29	cb18k8_031	Nguyễn Minh	Phương	26/07/1984	Nghệ An	8,3	9,0	Đạt	684308
30	cb18k8_033	Đinh Thanh	Sơn	20/01/1975	Hải Dương	9,6	9,0	Đạt	684309
31	cb18k8_034	Lê Thị Phương	Thanh	06/07/1990	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	684310
32	cb18k8_035	Nguyễn Hồng	Thanh	23/01/1978	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	684311
33	cb18k8_037	Hồ Thị Hoài	Thu	06/08/1981	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	684312
34	cb18k8_038	Lê Thị	Thu	20/04/1985	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684313
35	cb18k8_039	Ngô Văn	Thuận	09/06/1972	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	684314
36	cb18k8_040	Lê Thị Thủy	Tiên	01/08/1992	Quảng Trị	8,3	9,0	Đạt	684315
37	cb18k8_041	Nguyễn Hữu	Tình	20/12/1986	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684316
38	cb18k8_042	Bùi Thị Đài	Trang	02/02/1992	Thừa Thiên Huế	7,9	9,0	Đạt	684317
39	cb18k8_043	Đoàn Thị Hải	Tư	20/08/1983	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	684318
40	cb18k8_044	Đoàn Vĩ	Tuyến	01/05/1974	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	684319

(Ấn định danh sách này gồm 40 thí sinh)